**DANH MỤC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC**

**1. Kiến thức chung**

- Luật Viên chức ngày 5 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- [Nghị định số 88/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-88-2017-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-56-2015-ND-CP-danh-gia-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-357228.aspx) sửa đổi Nghị định 56/2015/NĐ-CP về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

- Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

- Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành về việc ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh thị xã Hòa Thành.

**2. Kiến thức về chuyên môn**

 Theo yêu cầu đối với vị trí dự tuyển,các văn bản pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ ngành văn hóa, thể thao và truyền thanh, nhiệm vụ của viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí dự tuyển.

-Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17/10/2014của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao; Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 26/6/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao;

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;

- Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức Biên tập viên, Phóng viên, Biên dịch viên và Đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thôngquy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; Thông tư số 05/2018/TT-BNV ngày 09/5/2018 của Bộ Nội vụ quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

**\* Bổ sung:**

**-** Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp